TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH** ——	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ——————————— *Châu Thành, ngày 05 tháng 01 năm 2024*

Số: 283/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Phạm Thị T và ông Trần Văn Đ (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 193/2002, ngày 31/12/2002 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị T và ông Trần Văn Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có hai người gồm Trần Thị N, sinh ngày 10/4/1998; Trần Hữu N1, sinh ngày 08/8/1999, đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần nên không yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Phạm Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền mà bà T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000516 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên bà T được nhận lại số tiền thừa 150.000 đồng.

Ông Trần Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- - Đương sự:

Kim Thị Ngọc Thu